

Bản án số: **188/2022/KDTM-PT**
Ngày 28/10/2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Lùng - Kiểm sát viên

Trong các ngày 30/8, 19/9, 26/9, 29/9, 06/10 và 28/10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 80/2022/TLPT-KDTM ngày 09/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 20/2022/KDTM-ST ngày 16/3/2022 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 248/2022/QĐ-PT ngày 20/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 274/2022/QĐ-PT ngày 05/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 350/2022/QĐ-PT ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q

Địa chỉ: Tòa nhà S, phường BN, Q1, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông HNV– Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông LQV, bà ĐTHG, ông NTK. Địa chỉ: Tòa nhà HH, LTK, quận H, thành phố Hà Nội; ông Việt, bà Gấm, ông Khuê có mặt

(Theo Giấy ủy quyền số 072352.22 ngày 05/7/2022)

-Bị đơn:

+**Ông VHL**, sinh năm 1959; có mặt

+**Bà NTS**, sinh năm 1961; có mặt

Cùng địa chỉ: đường HHT, phường VP, quận B, thành phố Hà Nội

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông VHL: Ông NVT, Luật sư của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn HT, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Tòa B, Khu đô thị KVKL, đường NXY, phường ĐK, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+**Anh VHQ**, sinh năm 1990; có mặt

+**Chị NMP**, sinh năm 1990; có mặt

+**Cháu VHT**, sinh năm 2016. Người đại diện theo pháp luật: Anh VHQ và chị NMP

+**Cháu VHH**, sinh năm 2019. Người đại diện theo pháp luật: Anh VHQ và chị NMP

Cùng địa chỉ: đường HHT, phường VP, quận B, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ông VHL, bà NTS và Ngân hàng thương mại cổ phần Q – chi nhánh NCT đã ký hợp đồng tín dụng (khách hàng cá nhân vay hạn mức) số 0206 ngày 01/6/2011 và Khế ước nhận nợ số 0206-04 ngày 25/5/2012 với số tiền vay là 1.500.000.000 đồng; mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh đồ nội thất; thời gian vay: 04 tháng kể từ ngày ký; lãi suất vay: 20,5 %/năm và ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ngày 31/5/2011 với tài sản đảm bảo cho khoản vay là: Quyền sử dụng 34,8m² đất và tài sản gắn liền với đất tại VP, phường CV, quận B, thành phố Hà Nội (nay là đường HHT, phường VP, quận B, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 01/6/2001 cho ông VHL và bà NTS.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông L, bà S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh.

Nay Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc ông VHL và bà NTS phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm tính đến ngày 16/3/2022 tổng cộng 4.495.813.050 đồng trong đó nợ gốc: 1.320.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 45.478.836 đồng và nợ lãi quá hạn: 3.130.334.214 đồng. Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và theo quy định của pháp luật cho đến ngày ông VHL và bà NTS thanh toán toàn bộ khoản vay.

- Trường hợp ông VHL và bà NTS không trả hết nợ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng thương mại cổ phần Q được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng 34,8m² đất và tài sản gắn liền với đất tại VP2, phường CV, quận B, thành phố Hà Nội (nay là đường HHT, phường VP, quận B, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 01/6/2001 cho ông VHL và bà NTS để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì đề nghị Tòa án tuyên ông VHL và bà NTS phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết nợ.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, ngân hàng có ý kiến như sau: Ngân hàng không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn do yêu cầu phản tố của bị đơn hoàn toàn không có căn cứ. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bị đơn trình bày:

Ngày 17/11/2010, vợ chồng ông bà và Ngân hàng thương mại cổ phần Q – chi nhánh NCT có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà (của bên thứ 3 là cá nhân). Đối với hợp đồng thế chấp này của vợ chồng ông bà là đảm bảo cho khoản vay không quá 600.000.000 đồng của anh TMD (là con của em gái ông L) và vợ anh D là chị LNT.

Vợ chồng ông bà xác nhận vợ chồng ông bà và Ngân hàng thương mại cổ phần Q – chi nhánh NCT đã ký hợp đồng tín dụng (khách hàng cá nhân vay hạn mức) số 0206 với số tiền vay là 1.500.000.000 đồng; mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh đồ nội thất; thời gian vay: 04 tháng kể từ ngày ký; lãi suất vay: 20,5 %/năm và ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ngày 31/5/2011 với tài sản đảm bảo cho khoản vay là: Quyền sử dụng 34,8m² đất và tài sản gắn liền với đất tại VP2, phường CV, quận B, thành phố Hà Nội (nay là đường HHT, phường VP, quận B, thành phố Hà Nội) theo Giấy

chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 01/6/2001 cho ông VHL và bà NTS.

Trong hợp đồng tín dụng năm 2011 có ghi mục đích vay tiền là: bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh đồ nội thất. Nhưng thực tế vợ chồng ông bà không kinh doanh đồ nội thất. Tất cả các giấy tờ liên quan đến việc ký hợp đồng tín dụng đều do ngân hàng và anh D làm ra.

Do vợ chồng ông bà không hiểu biết pháp luật nên chỉ nghĩ là ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp năm 2011 là để tiếp tục đảm bảo cho khoản vay của vợ chồng anh D, chị T. Mặc dù vợ chồng ông bà có ký hợp đồng tín dụng nhưng vợ chồng ông bà không nhận được bất cứ khoản tiền nào từ ngân hàng mà số tiền này được chuyển vào tài khoản của vợ chồng anh D, chị T.

Khi anh D, chị T bỏ trốn, Ngân hàng thương mại cổ phần Q – chi nhánh NCT có đến gặp và nói vợ chồng ông bà phải chịu trách nhiệm mỗi ngày trả lãi 7.600.000 đồng nên vợ chồng ông bà đã nộp vào Ngân hàng thương mại cổ phần Q – chi nhánh NCT số tiền là 230.000.000 đồng từ ngày 11/12/2012 đến ngày 23/9/2014. Ông khẳng định biên bản làm việc về việc kiểm tra khách hàng đang có nợ quá hạn ngày 27/9/2012 là do ông viết. Tuy nhiên, biên bản làm việc này không phải do ông tự nguyện viết mà do Ngân hàng thương mại cổ phần Q đến gặp ông và yêu cầu ông viết ra.

Đối với giấy rút tiền ngày 25/5/2012 là chữ ký của ông xác nhận ở phần người nhận tiền, tuy nhiên trên thực tế sau khi anh D, chị T bỏ trốn thì ngân hàng có yêu cầu ông bà ký vào giấy rút tiền.

Vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q và vợ chồng ông bà đã được Tòa án nhân dân quận B thụ lý vào ngày 25/9/2015 và đã được Tòa án đình chỉ giải quyết vào ngày 29/9/2017.

Đối với các giấy tờ cụ thể: phiếu xuất kho, hợp đồng mua bán và hợp đồng vay vốn đều là chữ ký của ông bà nhưng đều do ngân hàng làm và bảo ông bà ký nhằm thực hiện thủ tục đáo hạn tại ngân hàng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q, vợ chồng ông bà có ý kiến như sau: Ngân hàng khởi kiện là không đúng, mặc dù hợp đồng tín dụng được ký giữa vợ chồng ông bà và ngân hàng nhưng thực tế vợ chồng ông bà không nhận được số tiền vay trên. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của ông bà.

Nay, ông L và bà S có yêu cầu phản tố với nội dung sau:

- Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần Q – chi nhánh NCT trả lại cho vợ chồng ông bà số tiền 230.000.000 (Hai trăm ba mươi triệu) đồng;

- Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần Q trả lại cho ông bà Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 01/6/2001 cho ông VHL và bà NTS.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Anh VHQ và chị NMP là con trai và con dâu của ông VHL và bà NTS. Hiện nay, bố mẹ anh chị là ông L, bà S cùng vợ chồng anh chị là người trực tiếp quản lý và ở tại VP2, phường CV, quận B, thành phố Hà Nội (nay là đường HHT, phường VP, quận B, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 01/6/2001 cho ông VHL và bà NTS.

Trong quá trình vợ chồng anh chị sinh sống tại địa chỉ trên có làm thêm một cửa sắt cuốn, cửa nhôm kính và một giàn sắt trồng rau với chi phí khoảng 30.000.000 đồng. Đối với số tiền 30.000.000 đồng này anh chị không có yêu cầu gì.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, anh chị đưa ra ý kiến như sau: Anh chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, mặc dù hợp đồng tín dụng được ký giữa bố mẹ anh chị và ngân hàng nhưng thực tế bố mẹ anh chị không nhận được số tiền vay trên. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của bố mẹ anh chị.

Đối với yêu cầu phản tố của bố mẹ anh chị: Anh chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của bố mẹ anh chị.

Ngoài ra, anh chị không có trình bày gì khác.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 20/2022/KDTM-ST ngày 16/3/2022 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ Điều 30; Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 342, 343, 715, 716, 718, 719, 720, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 127 Luật Đất đai 2003; Căn cứ khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về “Giao dịch bảo đảm”. Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q yêu cầu ông VHL và bà NTS phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng (khách hàng cá nhân vay hạn mức) số 0206 và Khế ước nhận nợ số 0206-04 ngày 25/5/2012.

- Xác nhận ông VHL và bà NTS còn nợ Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/3/2022 là 4.495.813.050 (Bốn tỷ, bốn trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm mười ba nghìn, không trăm năm mươi) đồng trong đó nợ gốc: 1.320.000.000 (Một tỷ, ba trăm hai mươi triệu) đồng, nợ lãi trong hạn: 45.478.836 (Bốn mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn, tám trăm ba mươi sáu) đồng và nợ lãi quá hạn: 3.130.334.214 (Ba tỷ, một trăm ba mươi triệu, ba trăm ba mươi tư nghìn, hai trăm mười bốn) đồng.

- Buộc ông VHL và bà NTS phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/3/2022 là 4.495.813.050 (Bốn tỷ, bốn trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm mười ba nghìn, không trăm năm mươi) đồng trong đó nợ gốc: 1.320.000.000 (Một tỷ, ba trăm hai mươi triệu) đồng, nợ lãi trong hạn: 45.478.836 (Bốn mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn, tám trăm ba mươi sáu) đồng và nợ lãi quá hạn: 3.130.334.214 (Ba tỷ, một trăm ba mươi triệu, ba trăm ba mươi tư nghìn, hai trăm mười bốn) đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật ông VHL và bà NTS không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền gốc và tiền lãi nói trên cho Ngân hàng TMCP Q thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của ông VHL và bà NTS để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng 34.8m² đất và tài sản gắn liền với đất tại VP2, phường CV, quận B, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/6/2001 cho ông VHL và bà NTS đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ được quy định tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà (của khách hàng là cá nhân), Số công chứng 01625.11, quyển số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/5/2011 tại Văn phòng công chứng V, thành phố Hà Nội.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên sẽ được thanh toán toàn bộ nợ trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu có dư nợ Ngân hàng TMCP Q phải trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiền tiếp tục phải trả cho ngân hàng số tiền còn thiếu.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn: ông VHL và bà NTS.

3. Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này giữa các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông VHL, bà NTS được miễn toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 37.000.000 (Ba mươi bảy triệu) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0067503 ngày 03 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

3. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, ông VHL và bà NTS còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ông VHL và bà NTS kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm để xét xử lại ở cấp phúc thẩm nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông VHL đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của ông VHL và bà NTS.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông L, bà S theo hướng: Điều chỉnh lãi suất vay. Trong trường hợp ngân hàng không cung cấp đầy đủ các quyết định điều chỉnh lãi suất định kỳ, đề nghị bác phần lãi suất và dành quyền khởi kiện trong vụ án khác. Khi phát mại tài sản thế chấp ông L, bà S được nhận lại giá trị tài sản là 2 tầng của ngôi nhà ông, bà không đưa vào thế chấp. Về án phí phúc thẩm: Đề nghị tuyên theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông VHL và bà NTS được nộp trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q với ông VHL, bà NTS phát sinh từ hợp đồng tín dụng, được xác lập bởi các chủ thể có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Ông VHL và bà NTS là bị đơn có địa chỉ tại đường HHT, phường VP, quận B, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Ngày 01/6/2011 Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã ký hợp đồng tín dụng số 0206 với ông VHL và bà NTS

Ngày 25/5/2012 Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã ký khế ước nhận nợ số 0206-04 với ông VHL và bà NTS với số tiền vay là 1.500.000.000 đồng; mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh đồ nội thất; thời gian vay: 04

tháng kể từ ngày 25/5/2012; lãi suất vay: 20,5 %/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 03 tháng + lãi biên tối thiểu 5%/năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất tại từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông L, bà S đã thế chấp tài sản của mình là quyền sử dụng 34,8m² đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ VP2, phường CV, quận B, thành phố Hà Nội (nay là đường HHT, phường VP, quận B, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 01/6/2001 cho ông VHL và bà NTS, được xác định tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ngày 31/5/2011 giữa bên thế chấp là ông VHL, bà NTS với bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần Q – Sở giao dịch, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm.

Sau khi ngân hàng giải ngân, tính đến ngày 16/03/2022 ông VHL và bà NTS đã thanh toán trả cho ngân hàng được 180.000.000 đồng tiền gốc và 50.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 230.000.000 đồng.

Ông L bà S kháng cáo cho rằng mọi thủ tục làm hồ sơ vay tiền của ngân hàng cũng như số tiền 1.500.000.000 đồng mà ngân hàng đã giải ngân đều do cháu ông là TMD và vợ LNT đứng ra hoàn thiện hồ sơ vay và nhận số tiền trên, ông bà chỉ biết ký vào các văn bản mà cháu ông đưa. Tuy nhiên ông L bà S không chứng minh được số tiền trên ngân hàng đã giải ngân cho anh TMD và vợ LNT. Mặt khác, ông L cũng thừa nhận chữ ký trong Giấy rút tiền ngày 25/5/2012 mà ngân hàng giao nộp cho Tòa án đúng là chữ ký của ông, nên án sơ thẩm xử buộc ông L bà S phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo như thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ngày 31/5/2011 giữa bên thế chấp là ông VHL, bà NTS với bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần Q – Sở giao dịch, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm, có nội dung và hình thức không trái quy định của pháp luật được các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không ai bị lừa dối, ép buộc, nên trong trường hợp ông VHL và bà NTS không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Q thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mại toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ VP2, phường CV, quận B, thành phố Hà Nội (nay là đường HHT, phường VP, quận B, thành phố Hà Nội) để thu hồi khoản nợ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông VHL và bà NTS, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Ông VHL và bà NTS là người cao tuổi nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 342; Điều 343; Điều 715; Điều 716; Điều 718; Điều 719; Điều 720; Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005

Áp dụng Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Áp dụng Điều 127 Luật Đất đai năm 2003

Áp dụng Điều 4; Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

Áp dụng Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

-Không chấp nhận kháng cáo của ông VHL và bà NTS

-Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 20/2022/KDTM-ST ngày 16/3/2022 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q đối với ông VHL và bà NTS về việc buộc ông VHL và bà NTS phải thanh toán theo hợp đồng tín dụng số 0206 ngày 01/6/2011 và Khế ước nhận nợ số 0206-04 ngày 25/5/2012.

2. Buộc ông VHL và bà NTS phải thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/3/2022 là 4.495.813.050 đồng (Bốn tỷ, bốn trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm mười ba nghìn, không trăm năm mươi đồng). Trong đó:

- Nợ gốc: 1.320.000.000 đồng (Một tỷ, ba trăm hai mươi triệu đồng)
- Nợ lãi trong hạn: 45.478.836 đồng (Bốn mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn, tám trăm ba mươi sáu đồng)
- Nợ lãi quá hạn: 3.130.334.214 đồng (Ba tỷ, một trăm ba mươi triệu, ba trăm ba mươi tư nghìn, hai trăm mười bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, ông VHL và bà NTS còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, ông VHL và bà NTS không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền gốc và tiền lãi nói trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của ông VHL và bà NTS để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng 34,8m² đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ VP2, phường CV, quận B, thành phố Hà Nội (nay là đường HHT, phường VP, quận B, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 01/6/2001 cho ông VHL và bà NTS đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ được quy định tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà (của khách hàng là cá nhân), số công chứng 01625.11, quyển số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/5/2011 tại Văn phòng công chứng V, thành phố Hà Nội.

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp, thì tại thời điểm xử lý những người có hộ khẩu thường trú hoặc không có hộ khẩu thường trú nhưng đang sinh sống, kinh doanh tại nơi có tài sản thế chấp dưới mọi hình thức phải chuyển đi để đảm bảo việc thi hành án.

Trường hợp ông VHL và bà NTS thanh toán được khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có trách nhiệm trả lại giấy tờ nhà đất bản chính và làm thủ tục giải chấp ngay theo quy định của pháp luật.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền phát mại không đủ thanh toán thì ông VHL và bà NTS vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nốt số tiền còn thiếu cho Ngân hàng.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền còn nợ thì số tiền còn lại sau khi thanh toán xong các khoản nợ thì phải trả cho người thế chấp tài sản.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông VHL và bà NTS về việc:

- Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần Q- chi nhánh NCT trả lại cho ông bà số tiền 230.000.000 (Hai trăm ba mươi triệu) đồng;

- Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần Q trả lại cho ông bà Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 01/6/2001 cho ông VHL và bà NTS.

Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này giữa các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông VHL, bà NTS không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần Q 37.000.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp), theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0067503 ngày 03 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

6. Về án phí phúc thẩm: Ông VHL, bà NTS không phải nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận B, tp Hà Nội;
- TAND quận B, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn